

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số: 72 /TB-TMT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Tên giao dịch Công ty niêm yết: **Công ty Cổ phần ô tô TMT**

Mã chứng khoán: **TMT**

Trụ sở chính: 199B Minh khai, P Minh Khai, Q Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 04 3 8628205

Fax: 04 3 8628703

Người thực hiện công bố thông tin:

Ông: **Trần Văn Hà**

Địa chỉ: 199B Minh khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 04 3 8628205

Fax: 04 3 8628703

Loại thông tin công bố: 24h 72h bất thường theo yêu cầu
 định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

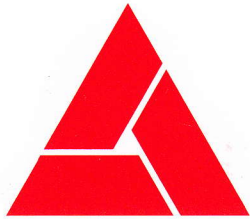
Công ty cổ phần ô tô TMT xin trân trọng thông báo: Báo cáo tài chính Công ty cổ phần ô tô TMT của Công ty mẹ và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi CN Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty <http://www.tmt-vietnam.com> kể từ ngày 27/01/2016.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

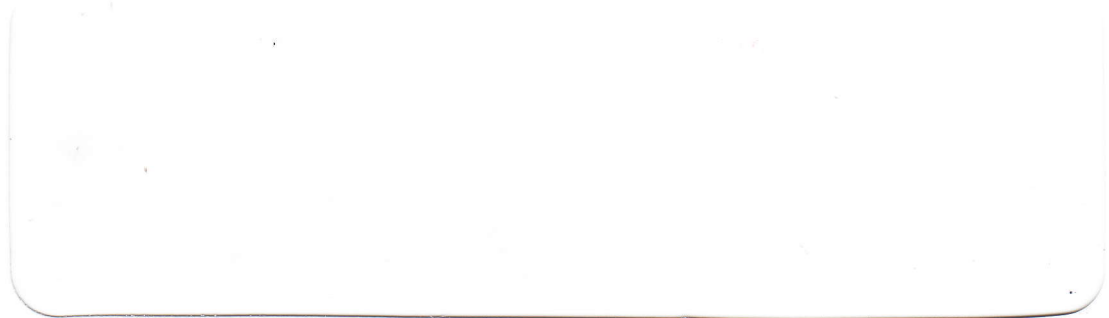
Người thực hiện công bố thông tin



Trần Văn Hà



AASCN



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO.,LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: Số 29, Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Tel: (84-8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-8) 3910 4880
CN Hà Nội: Số 15, ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Tel: (84-4) 3793 1428 / Fax: (84-4) 3793 1429

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	5 – 38
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 – 38

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 10 với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **308.391.170.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại;
- Xây dựng công trình giao thông.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 38).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;	
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;	
Ông Ngô Văn Hán	Ủy viên;	
Ông Trần Văn Hà	Ủy viên;	
Ông Bùi Văn Kiên	Ủy viên;	
Ông Phạm Văn Hồng	Ủy viên;	
Ông Bùi Quốc Hưng	Ủy viên;	Bỏ nhiệm ngày 02 tháng 11 năm 2015
Ông Lê Tiến Phan	Ủy viên.	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 11 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Trưởng phòng tài chính kế toán trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc;	
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Trần Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Phạm Văn Hồng	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Tiêu Phi Quang	Phó Tổng Giám đốc;	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2015
Ông Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám đốc;	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2015
Ông Ngô Văn Hân	Trưởng phòng tài chính kế toán.	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Bùi Văn Hữu

Số: *AA*.../2016/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần ô tô TMT, được lập ngày 27 tháng 01 năm 2016, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần ô tô TMT tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

Giám đốc

Kiểm toán viên



Bùi Thị Ngọc Lân

Trần Thị Mai

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.646.876.703.693	962.820.604.878
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		22.039.988.783	37.341.062.398
1.	Tiền	111	V.01	18.419.988.783	37.341.062.398
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.620.000.000	0
II.	Đầu tư tài chính	120	V.02	350.000.000	3.620.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		350.000.000	3.620.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.889.015.356	71.852.171.587
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	19.058.527.592	26.704.777.113
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		37.370.200.238	14.749.574.798
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	14.325.500.000	8.548.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	10.014.475.863	21.720.243.246
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3.879.688.337)	(358.509.856)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.06	0	488.086.286
IV.	Hàng tồn kho	140	V.08	1.509.933.391.634	798.522.224.927
1.	Hàng tồn kho	141		1.511.062.752.548	798.522.224.927
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.129.360.914)	0
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		37.664.307.920	51.485.145.966
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	4.210.928.067	1.123.983.253
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		33.453.379.853	45.143.110.736
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	0	5.218.051.977
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		285.139.285.543	222.801.296.588
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	0	0
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	0	0
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	0	0
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II.	Tài sản cố định	220		40.112.330.497	28.297.827.860
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	40.107.616.747	28.281.801.110
	- Nguyên giá	222		132.363.246.034	120.702.446.343
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(92.255.629.287)	(92.420.645.233)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
	- Nguyên giá	225		0	0
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.713.750	16.026.750
	- Nguyên giá	228		88.939.000	88.939.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(84.225.250)	(72.912.250)
III.	Bất động sản đầu tư	230		0	0
1.	Nguyên giá	231		0	0
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	191.248.215.076	143.967.441.473
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		191.248.215.076	143.967.441.473
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	32.623.283.976	32.623.294.176
1.	Đầu tư vào công ty con	251		32.622.842.976	32.622.842.976
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.073.530	1.073.530
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(632.530)	(622.330)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		21.155.455.994	17.912.733.079
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	21.155.455.994	17.912.733.079
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.932.015.989.236	1.185.621.901.466

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.550.923.985.917	874.264.474.362
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.523.803.585.917	864.254.074.362
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	233.031.591.378	547.551.199.698
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		133.006.113.697	31.447.400.979
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	19.346.727.585	5.579.727.395
4.	Phải trả người lao động	314		4.283.707.400	2.569.954.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	9.443.733.935	1.509.471.095
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	4.672.161.700	6.968.016.952
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	1.116.509.809.836	268.219.064.555
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.509.740.386	409.239.688
II.	Nợ dài hạn	330		27.120.400.000	10.010.400.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.17	15.010.400.000	10.010.400.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337	V.13	12.110.000.000	0
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		381.092.003.319	311.357.427.104
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	381.092.003.319	311.357.427.104
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		308.391.170.000	308.391.170.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		308.391.170.000	308.391.170.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		360.727.500	360.727.500
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		483.226.387	483.226.387
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		5.162.814.619	1.430.213.783
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.375.054.460	9.373.079.081
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		0	0
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		75.375.054.460	9.373.079.081
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.932.015.989.236	1.185.621.901.466

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

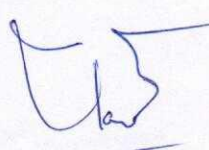
Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Loan



Ngô Văn Hân




Bùi Văn Hữu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	3.311.585.337.326	1.313.595.746.872
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	0	31.363.636
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.311.585.337.326	1.313.564.383.236
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	2.862.429.331.304	1.162.572.939.853
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		449.156.006.022	150.991.443.383
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	4.524.721.954	4.206.539.520
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	84.121.332.400	23.925.495.871
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		35.103.594.647	6.738.974.874
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	74.543.802.400	20.232.793.717
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	55.527.946.983	28.564.173.547
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		239.487.646.193	82.475.519.768
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	411.640.901	6.720.774.684
12.	Chi phí khác	32	VI.07	2.168.676.511	10.653.430.055
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.757.035.610)	(3.932.655.371)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		237.730.610.583	78.542.864.397
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	47.732.278.221	16.051.941.846
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		189.998.332.362	62.490.922.551

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc






Hoàng Thị Loan

Ngô Văn Hân

Bùi Văn Hữu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3.633.698.111.979	1.350.620.877.410
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.822.343.575.018)	(1.213.530.078.847)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(73.185.433.001)	(37.693.479.600)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(34.119.307.061)	(7.154.262.941)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(32.602.937.857)	(11.086.898.608)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		55.988.080.037	8.008.047.359
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(435.369.555.019)	(195.158.615.768)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(707.934.615.940)	(105.994.410.995)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(50.726.738.125)	(271.171.615)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		109.090.909	0
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13.150.000.000)	(29.138.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.642.500.000	31.515.497.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.510.466.946	3.612.085.277
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(50.614.680.270)	5.718.410.662

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3.	Tiền thu từ đi vay	33		4.145.302.798.280	1.259.567.062.033
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.284.902.052.999)	(1.074.784.732.452)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(117.153.255.450)	(68.793.218.600)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		743.247.489.831	115.989.110.981
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(15.301.806.379)	15.713.110.648
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		37.341.062.398	21.627.433.510
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		732.764	518.240
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		22.039.988.783	37.341.062.398

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Loan





Ngô Văn Hân

Bùi Văn Hữu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất, xây dựng và thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại;
- Xây dựng công trình giao thông.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại của Công ty khoảng từ 04 tháng đến 06 tháng, đối với hoạt động xây dựng công trình giao thông là dưới 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách Công ty con gồm:

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Số 1053 Tô dân phố Kiên Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

- Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long	Xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy xe khách, xe buýt TMT	Xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Một số số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước do áp dụng Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Qui định có thay đổi ảnh hưởng đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính của Công ty là quy định về tỷ giá áp dụng để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng/giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong năm là 10%/năm.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là khoản giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua, lãi mua hàng trả chậm;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	16.245.370	14.823.332.399
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.403.743.413	22.517.729.999
- Tiền đang chuyển	0	0
Cộng	<u>18.419.988.783</u>	<u>37.341.062.398</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
 Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	350.000.000	350.000.000	3.620.000.000	3.620.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	350.000.000	350.000.000	3.620.000.000	3.620.000.000
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
Cộng	350.000.000	350.000.000	3.620.000.000	3.620.000.000

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	32.622.842.976	0	32.622.842.976	0
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	16.249.995.000	0	16.249.995.000	0
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	16.372.847.976	0	16.372.847.976	0
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần thiết bị Bưu điện (POT)	1.073.530	(632.530)	1.073.530	(622.330)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	679.000	(316.600)	679.000	(335.800)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	394.530	(315.930)	394.530	(286.530)
Cộng	32.623.916.506	(632.530)	32.623.916.506	(622.330)
			32.623.916.506	32.623.294.176

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	54,17%	54,17%	Dịch vụ vận tải, sửa chữa ô tô
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Số 1053 Tổ dân phố Kiên Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội	68,11%	68,11%	Sản xuất SP cơ khí, kết cấu thép, xây dựng... phục vụ giao thông

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con trong năm:

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4
Doanh thu bán hàng	96.252.431.819	932.047.891
- Bán ô tô	96.252.431.819	690.909.091
- Bán cáp, thép	0	241.138.800
Mua nguyên vật liệu và mua dịch vụ	22.892.889.688	50.809.936.604
- Đóng thùng xe ô tô	0	29.939.055.468
- Dịch vụ vận chuyển	22.892.889.688	0
- Thầu phụ thi công xây dựng	0	20.870.881.136
Lãi vay phải thu trong năm	0	141.358.681
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	1.574.895.200	0
Chiết khấu thanh toán	384.730.000	0
Cho vay	3.000.000.000	0

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	19.058.527.592	26.704.777.113
- Công ty Cổ phần AIA Hà Nội	6.268.739.000	5.059.977.348
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	5.746.954.226	0
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Phương Anh	0	8.320.883.920
- Ban quản lý dự án 3	4.628.694.187	9.121.470.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	2.414.140.179	4.202.445.845
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	0	0
Cộng	19.058.527.592	26.704.777.113
c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
	Mối quan hệ	Số cuối năm
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Công ty con	5.746.954.226
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Công ty con	1.305.174.909
Cộng		7.052.129.135
		Số đầu năm
		0
		621.174.909
		621.174.909

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	14.325.500.000	0	8.548.000.000	0
- Cho cán bộ công nhân viên vay ^(a)	11.325.500.000	0	8.548.000.000	0
- Cho Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 vay ^(b)	3.000.000.000	0	0	0
b) Dài hạn	0	0	0	0
Cộng	14.325.500.000	0	8.548.000.000	0

(a) Khoản cho cán bộ công nhân viên của Công ty vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn hiện hành của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại từng thời điểm cộng 1%/năm.

(b) Khoản cho Cho Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 vay theo hợp đồng ngày 25 tháng 12 năm 2015 với lãi suất 9,5%/năm, kỳ hạn 06 tháng.

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	10.014.475.863	(3.836.585.962)	21.720.243.246	(355.200.676)
- Phải thu về cổ phần hoá	0	0	0	0
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	0	0	0	0
- Phải thu của người lao động	0	0	0	0
- Tạm ứng	825.203.632	0	2.831.518.295	0
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.280.534.064	0	11.029.037.574	0
- Phải thu khác	6.908.738.167	(3.836.585.962)	7.859.687.377	(355.200.676)
+ Lãi dự thu về cho vay	1.302.753.751	0	293.525.000	0
+ Phải thu ông Phạm Văn Công	3.000.500.000	(3.000.500.000)	3.000.500.000	0
+ Phải thu các đối tượng khác	2.605.484.416	(836.085.962)	4.565.662.377	(355.200.676)
b) Dài hạn	0	0	0	0
Cộng	10.014.475.863	(3.836.585.962)	21.720.243.246	(355.200.676)

c) Phải thu khác là các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Công ty con	0	0
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Công ty con	1.131.849.401	2.190.490.720
Cộng		1.131.849.401	2.190.490.720

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Hàng tồn kho	0	0	2.118	488.086.286
Cộng	0	0	2.118	488.086.286

07. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ông Phạm Văn Công	3.000.500.000	0	3.000.500.000	3.000.500.000
- Nhà máy cơ khí 120	500.000.000	0	500.000.000	500.000.000
- Các đối tượng khác	379.188.337	0	694.595.818	336.085.962
Cộng	3.879.688.337	0	4.195.095.818	3.836.585.962

08. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	14.907.167.181	0	24.920.863.316	0
- Nguyên liệu, vật liệu	237.737.178.011	(1.129.360.914)	170.380.096.773	0
- Công cụ, dụng cụ	14.500.000	0	14.500.000	0
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76.256.700.530	0	107.864.851.522	0
- Thành phẩm	425.630.202.135	0	118.626.698.796	0
- Hàng hoá	189.580.689.321	0	181.534.832.710	0
- Hàng gửi bán	566.936.315.370	0	195.180.381.810	0
Cộng	1.511.062.752.548	(1.129.360.914)	798.522.224.927	0

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm là 557.994.000.000 đồng.

09. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) <i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	191.248.215.076	143.967.441.473
- Mua sắm	0	0
- Xây dựng cơ bản	191.248.215.076	143.967.441.473
+ Dự án mở rộng đầu tư Nhà máy lắp ráp xe ô tô	191.248.215.076	143.967.441.473
Cộng	191.248.215.076	143.967.441.473

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	70.242.258.201	33.231.507.146	11.982.221.028	1.198.279.240	4.048.180.728	120.702.446.343
- Mua trong năm	0	2.032.957.512	13.227.477.167	0	0	15.260.434.679
- Đầu tư XDCB hoàn thành	0	0	0	0	0	0
- Tặng khác	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	(2.823.177.845)	(776.457.143)	0	0	(3.599.634.988)
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm	70.242.258.201	32.441.286.813	24.433.241.052	1.198.279.240	4.048.180.728	132.363.246.034
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	42.684.119.255	32.507.844.982	11.982.221.028	1.198.279.240	4.048.180.728	92.420.645.233
- Khấu hao trong năm	2.507.886.810	413.973.607	512.758.625	0	0	3.434.619.042
- Tặng khác	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	(2.823.177.845)	(776.457.143)	0	0	(3.599.634.988)
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm	45.192.006.065	30.098.640.744	11.718.522.510	1.198.279.240	4.048.180.728	92.255.629.287
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	27.558.138.946	723.662.164	0	0	0	28.281.801.110
2. Tại ngày cuối năm	25.050.252.136	2.342.646.069	12.714.718.542	0	0	40.107.616.747

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 71.945.301.465 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 55.831.037.748 đồng và 22.826.016.682 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	88.939.000	88.939.000
- Mua trong năm	0	0
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	0	0
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	0	0
- Tăng khác	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0
- Giảm khác	0	0
<i>Số dư cuối năm</i>	88.939.000	88.939.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	72.912.250	72.912.250
- Khấu hao trong năm	11.313.000	11.313.000
- Tăng khác	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0
- Giảm khác	0	0
<i>Số dư cuối năm</i>	84.225.250	84.225.250
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	16.026.750	16.026.750
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	4.713.750	4.713.750

12. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	4.210.928.067	1.123.983.253
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.061.429.640	50.151.369
- Chi phí vận chuyển hàng gửi bán	2.593.060.905	303.813.672
- Các khoản khác	556.437.522	770.018.212
b) Dài hạn	21.155.455.994	17.912.733.079
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.164.218.505	1.911.880.665
- Chi phí sửa chữa	3.583.583.071	262.499.825
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	14.933.580.276	15.365.126.135
- Chi phí trả trước dài hạn khác	474.074.142	373.226.454
Tổng	25.366.384.061	19.036.716.332

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vay và nợ thuế tài chính	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	268.219.064.555	268.219.064.555	4.132.702.798.280	3.284.412.052.999	1.116.509.809.836	1.116.509.809.836
- Vay ngân hàng	268.219.064.555	268.219.064.555	4.075.852.432.939	3.269.161.687.658	1.074.909.809.836	1.074.909.809.836
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ^(a)	85.608.368.779	85.608.368.779	802.966.091.664	500.778.305.184	387.796.155.259	387.796.155.259
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam ^(b)	181.369.844.392	181.369.844.392	2.252.989.020.011	1.951.881.200.119	482.477.664.284	482.477.664.284
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh ^(c)	0	0	346.229.570.482	310.947.258.482	35.282.312.000	35.282.312.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(d)	0	0	208.728.214.855	148.255.650.612	60.472.564.243	60.472.564.243
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(e)	1.240.851.384	1.240.851.384	464.939.535.927	357.299.273.261	108.881.114.050	108.881.114.050
- Vay đối tượng khác	0	0	52.450.365.341	15.250.365.341	37.200.000.000	37.200.000.000
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	0	0	365.341	365.341	0	0
+ Ông Bùi Văn Hữu ^(f)	0	0	52.450.000.000	15.250.000.000	37.200.000.000	37.200.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	0	0	4.400.000.000	0	4.400.000.000	4.400.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ^(g)	0	0	4.400.000.000	0	4.400.000.000	4.400.000.000
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	0	0	17.000.000.000	4.890.000.000	12.110.000.000	12.110.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ^(g)	0	0	17.000.000.000	4.890.000.000	12.110.000.000	12.110.000.000
Cộng	268.219.064.555	268.219.064.555	4.149.702.798.280	3.289.302.052.999	1.128.619.809.836	1.128.619.809.836

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(a): Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất 8,0%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản có định tại Nhà máy ô tô Cửu Long, một số tài sản hình thành từ vốn vay và quyền thuê đất và tài sản trên đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI453860 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (b): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) với lãi suất từ 8,5%/năm đến 10,0%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long, đất và tài sản trên đất tại lô đất 1.300m² tại Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội, 100% khối lượng thanh toán của các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng về tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV và 100% số dư tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV.
- (c): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 8,5%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.
- (d): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 8,0%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định tại Nhà máy ô tô Cửu Long, một số tài sản hình thành từ vốn vay và quyền thuê đất và tài sản trên đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI453861 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp.
- (e): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất 7,5%/năm, được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.
- (f): Khoản vay ngắn hạn cá nhân với thời hạn vay từ 01 đến 06 tháng, lãi suất từ 6,1% đến 7,1%/năm và được đảm bảo bằng tín chấp.
- (g): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 1200-LAV-201500685 ngày 27 tháng 7 năm 2015 tại Agribank – Sở giao dịch với mục đích cải tạo, phục hồi thiết bị vận hành, chạy thử và đưa vào dây chuyền sơn ED với thời hạn vay tối đa 04 năm, kỳ hạn trả nợ gốc 3 tháng 1 lần vào ngày 25, kỳ hạn trả nợ lãi cùng kỳ trả nợ gốc. Lãi suất bằng lãi suất huy động trả sau + 3,7%/năm, định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là 01 dây chuyền sơn ED.

Đơn vị tính: VND

14. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	233.031.591.378	233.031.591.378	547.551.199.698	547.551.199.698
- Dongfeng industrial motor co.,ltd	35.677.519.200	35.677.519.200	0	0
- Guangxi qinzhou lishun machinery co.,ltd	0	0	263.796.380.806	263.796.380.806
- Công ty Sinotruck - Hồng Kông	82.750.497.480	82.750.497.480	149.729.866.650	149.729.866.650
- Hubei tri-ring special vehicle co.,ltd	10.708.857.788	10.708.857.788	26.321.094.346	26.321.094.346
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	103.894.716.910	103.894.716.910	107.703.857.896	107.703.857.896
b) Phải trả người bán dài hạn	0	0	0	0
Cộng	233.031.591.378	233.031.591.378	547.551.199.698	547.551.199.698

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	1.194.745.916	1.194.745.916	692.659.389	692.659.389
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	3.200.450.133	3.200.450.133	532.099.982	532.099.982
Cộng	4.395.196.049	4.395.196.049	1.224.759.371	1.224.759.371

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm		Số đầu năm		Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ						
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	0	0	0	0	0	80.306.597.720	0	0	0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	63.796.664	0	0	0	0	63.796.664	0	0	0	0
- Thuế xuất nhập khẩu	5.089.673.128	0	0	0	0	218.932.796.189	213.843.123.061	0	0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	4.217.275.225	47.732.278.221	0	8.753.236.953	32.602.937.857	0	0	19.346.615.589
- Thuế thu nhập cá nhân	0	0	1.362.452.170	8.753.236.953	0	2.938.840.285	10.115.689.123	0	0	0
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	64.582.185	0	0	0	0	0	2.874.258.100	0	0	0
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	0	0	0	659.196	0	0	547.200	0	0	111.996
Cộng	5.218.051.977	5.579.727.395	5.579.727.395	358.728.205.228	339.743.153.061	0	19.346.727.585	0	19.346.727.585	

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	9.443.733.935	1.509.471.095
- Chi phí lãi vay trích trước	1.116.809.667	0
- Chi phí vận chuyển	3.830.929.635	906.110.951
- Các khoản trích trước khác	4.495.994.633	603.360.144
b) Dài hạn	0	0
Cộng	9.443.733.935	1.509.471.095

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	4.672.161.700	6.968.016.952
- Kinh phí công đoàn	4.170.632.728	3.595.623.998
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	8.047.038	27.035.608
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	493.481.934	3.345.357.346
+ Công ty Cổ phần cơ khí chính xác số 1	0	394.320.002
+ Công ty TNHH Thống Nhất	0	433.585.453
+ Các đối tượng khác	493.481.934	2.517.451.891
b) Dài hạn	15.010.400.000	10.010.400.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	15.000.000.000	10.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.400.000	10.400.000
Cộng	19.672.161.700	16.968.016.952

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	284.502.360.000	24.249.537.500	483.226.387	(8.680.989.647)	616.798.435	16.895.498.152	318.066.430.827
Tăng vốn trong năm trước	23.888.810.000	(23.888.810.000)	0	0	0	0	0
Lãi/(lỗ) trong năm trước	0	0	0	0	0	62.490.922.551	62.490.922.551
Tăng khác	0	0	0	0	813.415.348	(70.013.341.622)	(69.199.926.274)
Giảm vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	-
Phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm trước	308.391.170.000	360.727.500	483.226.387	(8.680.989.647)	1.430.213.783	9.373.079.081	311.357.427.104
Số dư đầu năm nay	308.391.170.000	360.727.500	483.226.387	(8.680.989.647)	1.430.213.783	9.373.079.081	311.357.427.104
Tăng vốn trong năm nay	0	0	0	0	0	0	0
Lãi/(lỗ) trong năm nay	0	0	0	0	0	189.998.332.362	189.998.332.362
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0
Phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	3.732.600.836	(123.996.356.983)	(120.263.756.147)
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm nay	308.391.170.000	360.727.500	483.226.387	(8.680.989.647)	5.162.814.619	75.375.054.460	381.092.003.319

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ %	Giá trị (VND)	Tỷ lệ %
- Tổng Công ty công nghiệp ô tô Việt Nam	66.501.720.000	21,56	66.501.720.000	21,56
- Các đối tượng khác	241.889.450.000	78,44	241.889.450.000	78,44
Cộng	308.391.170.000	100	308.391.170.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	308.391.170.000	284.502.360.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	23.888.810.000
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	308.391.170.000	308.391.170.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	117.153.255.450	68.793.218.600

Trong năm 2015, Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 theo tỷ lệ là 18%. Cổ tức này đã được tạm ứng chi trong năm 2014. Đồng thời, Công ty đã tạm chi cổ tức năm 2015 theo tỷ lệ là 38,5%.

Theo Biên bản kiểm kê phiếu biểu quyết ngày 11 tháng 01 năm 2016 về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho Ban điều hành và một số cán bộ có tên trong danh sách do Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn với số lượng cổ phiếu thưởng phát hành thêm là 1.500.000 cổ phiếu tương ứng với tổng mệnh giá phát hành 15.000.000.000 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật. Hiện tại, Công ty đang hoàn thành các thủ tục để phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ nêu trên.

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.839.117	30.839.117
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.839.117	30.839.117
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.839.117	30.839.117
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.429.417	30.429.417
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.429.417	30.429.417
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a) Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	1.679,54	1.378,01
- EUR	76,09	76,07
Nợ khó đòi đã xử lý	11.169.734.400	11.169.734.400

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	867.114.713.662	260.083.867.176
Doanh thu bán thành phẩm	2.422.760.810.628	1.045.219.634.241
Doanh thu hợp đồng xây dựng	21.709.813.036	8.292.245.455
Cộng	3.311.585.337.326	1.313.595.746.872

	Năm nay	Năm trước
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	96.252.431.819	42.329.545.432
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	932.047.891	564.704.463

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	0	31.363.636
Cộng	0	31.363.636

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	756.135.716.278	242.790.904.356
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.084.293.372.976	913.507.683.217
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	20.870.881.136	6.274.352.280
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.129.360.914	0
Cộng	2.862.429.331.304	1.162.572.939.853

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.944.788.496	2.336.819.573
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	11.688.686	44.432.602
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.574.907.200	1.422.157.120
- Lãi chênh lệch tỷ giá	993.337.572	403.130.225
Cộng	4.524.721.954	4.206.539.520

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	35.103.594.647	6.738.974.874
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	5.535.710.000	12.350.033.000
- Lỗ do công ty con giải thể	0	222.794.993
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	43.482.003.153	4.557.331.700
- Chi phí tài chính khác	0	56.531.704
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	24.600	(170.400)
Cộng	84.121.332.400	23.925.495.871

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu hoàn thuế nhập khẩu đã nộp	0	6.556.796.356
- Các khoản khác	411.640.901	163.978.328
Cộng	<u>411.640.901</u>	<u>6.720.774.684</u>

07. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thuế nhập khẩu truy nộp	2.105.273.860	10.564.025.457
- Các khoản khác	63.402.651	89.404.598
Cộng	<u>2.168.676.511</u>	<u>10.653.430.055</u>

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	55.527.946.983
- Chi phí nhân viên quản lý	16.669.014.200
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.404.856.971
- Chi phí dự phòng	3.521.178.481
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.932.897.331
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	74.543.802.400
- Chi phí nhân viên	4.338.229.321
- Chi phí vận chuyển	20.137.093.581
- Chi phí khuyến mại	9.961.030.000
- Chi phí trả cho nhân viên của đại lý	37.525.502.344
- Chi phí khác	2.581.947.154
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	0
Cộng	<u>130.071.749.383</u>

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	47.732.278.221	16.051.941.846
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	0	0
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>47.732.278.221</u>	<u>16.051.941.846</u>

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.547.079.726.000	1.101.862.655.580
- Chi phí nhân công	81.564.660.445	36.835.814.760
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.445.932.042	3.073.923.665
- Chi phí trả cho nhân viên đại lý	37.525.502.344	0
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.317.419.468	29.208.434.575
- Chi phí khác bằng tiền	17.552.543.738	15.502.927.432
Cộng	<u>2.768.485.784.037</u>	<u>1.186.483.756.012</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính.	1.384.911.835	137.098.385
- Tặng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ Thặng dư vốn cổ phần	0	23.888.810.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng phòng tài chính kế toán và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Bùi Văn Hữu – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		
- Vay ngắn hạn	52.450.000.000	0
- Trả nợ vay ngắn hạn	15.250.000.000	0
- Chi phí đi vay	1.092.214.689	0

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Bùi Văn Hữu – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		
+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	37.200.000.000	0
+ Lãi vay phải trả	942.566.667	0
Cộng nợ phải trả	<u>38.142.566.667</u>	<u>0</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp, thưởng	4.813.952.684	2.612.542.900

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất: Sản xuất và lắp ráp xe ô tô;
- Xây dựng: Xây dựng công trình giao thông;
- Thương mại: Kinh doanh thương mại xe ô tô.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất	Xây dựng	Thương mại	Đơn vị tính: VND	
				Cộng	
Năm nay					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.422.760.810.628	21.709.813.036	867.114.713.662	3.311.585.337.326	
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0	
- Chi phí phân bổ	2.239.239.628.817	21.693.395.823	811.164.666.493	3.072.097.691.133	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	183.521.181.811	16.417.213	55.950.047.169	239.487.646.193	
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	42.376.056.022	0	15.166.541.213	57.542.597.235	
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.387.919.464	0	1.570.451.987	5.958.371.451	
Số dư cuối năm nay					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.421.406.846.567	4.628.694.187	434.033.747.063	1.860.069.287.817	
- Tài sản không phân bổ				71.946.701.419	
Tổng tài sản	1.421.406.846.567	4.628.694.187	434.033.747.063	1.932.015.989.236	
- Nợ phải trả bộ phận	1.202.436.244.899	909.090.909	347.169.410.421	1.550.514.746.229	
- Nợ phải trả không phân bổ				409.239.688	
Tổng nợ phải trả	1.202.436.244.899	909.090.909	347.169.410.421	1.550.923.985.917	

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số xuất	Xây dựng	Thương mại	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Năm trước				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.045.188.270.605	8.292.245.455	260.083.867.176	1.313.564.383.236
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	968.127.301.116	6.579.153.148	256.382.409.204	1.231.088.863.468
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	77.060.969.489	1.713.092.307	3.701.457.972	82.475.519.768
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	653.282.998	0	0	653.282.998
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.657.757.350	0	661.354.350	3.319.111.700
Số dư cuối năm trước				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	876.937.789.136	8.335.212.492	218.216.543.264	1.103.489.544.892
- Tài sản không phân bổ				82.132.356.574
Tổng tài sản	876.937.789.136	8.335.212.492	218.216.543.264	1.185.621.901.466
- Nợ phải trả bộ phận	691.722.278.139	0	172.930.569.534	864.652.847.673
- Nợ phải trả không phân bổ				9.611.626.689
Tổng nợ phải trả	691.722.278.139	0	172.930.569.534	874.264.474.362

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.039.988.783	37.341.062.398	22.039.988.783	37.341.062.398
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.967.265.759	34.076.378.204	22.087.577.422	33.717.868.348
Phải thu về cho vay	14.325.500.000	8.548.000.000	14.325.500.000	8.548.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	350.000.000	3.620.000.000	350.000.000	3.620.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	1.073.530	1.073.530	441.000	451.200
Cộng	62.683.828.072	(3.880.320.867)	58.803.507.205	83.227.381.946

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	233.031.591.378	233.031.591.378	547.551.199.698	547.551.199.698
Vay và nợ	1.128.619.809.836	1.128.619.809.836	268.219.064.555	268.219.064.555
Chi phí phải trả	9.443.733.935	9.443.733.935	1.509.471.095	1.509.471.095
Các khoản phải trả khác	15.503.881.934	15.503.881.934	13.355.757.346	13.355.757.346
Cộng	1.386.599.017.083	1.386.599.017.083	830.635.492.694	830.635.492.694

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.10 và V.13). Giá trị sổ sách của tài sản cố định đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 là 22.826.016.682 đồng.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2015.

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty con và cán bộ công nhân viên vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	233.031.591.378	0	0	233.031.591.378
Vay và nợ	1.116.509.809.836	12.110.000.000	0	1.128.619.809.836
Chi phí phải trả	9.443.733.935	0	0	9.443.733.935
Các khoản phải trả khác	493.481.934	15.010.400.000	0	15.503.881.934
Cộng	1.359.478.617.083	27.120.400.000	0	1.386.599.017.083
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	547.551.199.698	0	0	547.551.199.698
Vay và nợ	268.219.064.555	0	0	268.219.064.555
Chi phí phải trả	1.509.471.095	0	0	1.509.471.095
Các khoản phải trả khác	3.345.357.346	10.010.400.000	0	13.355.757.346
Cộng	820.625.092.694	10.010.400.000	0	830.635.492.694

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

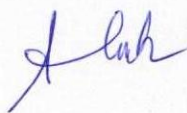
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

STT	Nội dung	Số dư tại 01/01/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC năm 2015	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Cho vay ngắn hạn	8.548.000.000	Đầu tư ngắn hạn	121	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135
2	Tạm ứng	2.831.518.295	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
3	Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.029.037.574	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
4	Tài sản thiếu chờ xử lý	488.086.286	Tài sản ngắn hạn khác	158	Tài sản thiếu chờ xử lý	139

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Hoàng Thị Loan

Trưởng phòng tài chính kế toán



Ngô Văn Hán

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Hữu